

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05-6-2023
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Vui

Ông Điều Kim Rương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1991.

HKTT: Tổ 11, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

Nơi ở hiện nay: Tổ 4, KP.H, P.H, TX.B, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt

- Bị đơn: Anh Võ Thành N, sinh năm 1977. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 11, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng P trình bày:

Chị P và anh Võ Thành N tự nguyện về chung sống với nhau năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã R, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Hai vợ chồng chung sống với nhau được 07 năm. Ngay từ khi bắt đầu chung sống, chị P đã cảm thấy không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh N không lo làm ăn, thường xuyên ăn nhậu, cờ bạc (đánh đề, cá độ) ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh N đi nhậu về thì kiểm chuyển chửi, đánh chị P. Đến năm 2020 thì anh N bỏ đi, không còn chung sống với chị P cho đến nay, không có sự quan tâm

chăm sóc nhau nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn với anh N.

Về con chung: Anh N và chị P có 01 con chung tên là Võ Ng, sinh ngày 16/9/2011. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Thành N không đến Tòa làm việc nên không thu thập được ý kiến của anh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hồng P khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Thành N có nơi cư trú cuối cùng tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Chị P và anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị P có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh N vắng mặt không lý do. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt chị P và anh N theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng P:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, biên bản xác minh ngày 18/4/2023, Đơn xác nhận ngày 30/3/2023 cùng giấy chứng nhận kết hôn thấy rằng: Anh Võ Thành N và chị Nguyễn Thị Hồng P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện C, tỉnh Hậu Giang vào năm 2011. Theo chị P, ngay từ thời gian đầu chung sống thì cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc do anh N không lo làm ăn, thường xuyên ăn nhậu, cờ bạc ảnh

hưởng đến kinh tế gia đình khiến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Xét mâu thuẫn giữa anh N và chị P đã đến mức trầm trọng, hai vợ chồng không chung sống với nhau từ năm 2020, không quan tâm, chăm sóc nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P yêu cầu ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về con chung: Anh N, chị P có 01 con chung tên là Võ Ng, sinh ngày 16/9/2011. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, anh N không thể hiện có nguyện vọng muốn nuôi con, hiện nay cháu Ng đang ở với chị P, do chị P nuôi dưỡng và có nguyện vọng được sống cùng với chị P. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị P, giao cháu Võ Ng cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng P và anh Võ Thành N

Giấy chứng nhận kết hôn số 82/2011 ngày 17/8/2011 của Ủy ban nhân dân xã R, huyện C, tỉnh Hậu Giang hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao con chung tên Võ Ng, sinh ngày 16/9/2011 cho chị Nguyễn Thị Hồng Ph trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Hồng P phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014445 ngày 07/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Nơi cấp GCN kết hôn
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Thị Minh Hải